

Gò Vấp, ngày 31 tháng 1 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Sen Hồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí	589.800.000	137.600.000	23%	
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại		475.514.141		204%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.329.998.433	5.469.380.486		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)	5.343.638.158	4.501.542.099	84%	429%
b)	Chi thường xuyên (nguồn 14)	2.946.327.842		0%	0%
b.1	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cô tính chất lương) (nguồn 14)	41.904.000	54.250.000	129%	
b.3	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	2.904.423.842	711.195.700	24%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.040.032.433	967.838.387		
	- Mua sắm trường lớp hè 2023	93.000.000	93.000.000	100%	
	- Sửa chữa 2023	898.432.433	826.238.387	92%	
	- Hỗ trợ Tết 2023	48.600.000	48.600.000	100%	

Gò Vấp, Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Phản biện
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG
Trần Ngọc Thiên Trang

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2023**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2023

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2022 chuyển sang	343.256	0	0	0	343.256
Dự toán giao trong năm 2023	4.504.385.901	41.904.000	2.360.199.000	1.783.188.433	8.689.677.334
Dự toán đã sử dụng	4.502.964.000	41.904.000	1.945.331.634	1.567.395.313	8.057.594.947
+ Quý 1	1.123.913.585	0	0	48.600.000	1.172.513.585
+ Quý 2	1.591.087.682	0	644.477.010	0	2.235.564.692
+ Quý 3	1.893.910.230	0	937.365.343	93.000.000	2.924.275.573
+ Quý 4	-105.947.497	41.904.000	363.489.281	1.425.795.313	1.725.241.097
Tồn cuối kỳ	1.765.157	0	414.867.366	215.793.120	632.425.643

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:**1/ Chi thường xuyên (nguồn 13, 14) :**

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
		1.319.847.816	4.501.442.099
6001	Lương theo ngạch, bậc	322.771.848	1.529.041.185
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	35.564.081	107.315.523
6101	Phụ cấp chức vụ	9.063.500	38.863.500
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	179.894.021	369.538.259
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	127.508.108	522.607.625
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	447.000	2.980.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	71.738.284	320.268.253
6301	Bảo hiểm xã hội	233.016.506	347.062.561
6302	Bảo hiểm y tế	102.228.170	59.496.441
6303	Kinh phí công đoàn	17.524.830	39.664.281
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.683.216	19.832.150
6449	Chi khác	5.841.608	743.572.572
6501	Tiền điện	158.533.734	47.817.139
6704	Khoản công tác phí	4.965.122	18.000.000
6757	Thuế lao động trong nước	4.800.000	37.440.000
6907	Nhà cửa	5.901.199	79.380.000
6949	Các tài sản và công trình bất động sản khác	4.380.000	5.901.199
7004	Đóng phục, trang phục; bảo hộ lao động	524.000	524.000
7049	Chi khác	2.700.000	2.700.000
7053	Chi khác	162.589	1.800.000
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		1.637.411
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		185.400.000